TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS - ST
Ngày 29/ 9/ 2017
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Minh Viện;
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

- Đại diện VKSND huyện Phù Cừ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2017/TLST-DS, ngày 17/5/2017 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-DS, ngày 01/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST - DS, ngày 19/ 9/ 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Anh Doãn Trung X, sinh năm 1961;

- Chị Phạm Thị M, sinh năm 1964;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989;

Đều cùng địa chỉ: Thôn ĐC, xã ĐC, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa có mặt anh X, chị M, chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn anh Doãn Trung X và chị Phạm Thị M trình bày: Do là người cùng xóm, đã nhiều lần hai bên vay mượn tiền, giúp đỡ nhau nên từ ngày 14/10/2016 âm lịch (tức ngày 13/11/2016) đến ngày 25/02/2017 âm lịch (tức ngày 23/3/2017) vợ chồng chị đã cho chị Nguyễn Thị D vay tiền với tổng số tiền là 325.000.000đ (*Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), cụ thể: Ngày 14/10/2016 chị D vay 50.000.000 đồng; ngày 15/11/2016 chị D vay 30.000.000 đồng; ngày 26/12/2016 chị D vay 50.000.000 đồng; ngày 28/01/2017 chị D vay 30.000.000 đồng; ngày 22/01/2017 chị D vay 45.000.000

đồng; ngày 04/02/2017 chị D vay 45.000.000 đồng; ngày 08/02/2017 chị D vay 35.000.000 đồng; ngày 25/02/2017 chị D vay 40.000.000 đồng (đều tính theo ngày âm lịch).

Tám lần vay tiền chị D đều tự tay ghi giấy biên nhận. Hai bên thỏa thuận miệng mức lãi suất 1%/tháng theo lãi suất Ngân hàng và sẽ trả nợ gốc ngay sau khi vợ chồng chị cần tiền nên trong biên nhận vợ chồng chị không yêu cầu chị D ghi thời hạn trả nợ và lãi suất cụ thể. Chị D đã trả tiền lãi cho vợ chồng chị được tổng cộng là 4.650.000đ (*Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), cụ thể: Trả tiền lãi khoản vay ngày 15/11/2016 âm lịch (03 tháng) được 900.000 đồng; trả tiền lãi khoản vay ngày 26/12/2016 âm lịch (02 tháng) được 1.000.000 đồng; trả tiền lãi khoản vay ngày 22/01/2017 âm lịch (01 tháng) được 450.000 đồng; trả tiền lãi khoản vay ngày 28/01/2017 âm lịch (01 tháng) được 300.000 đồng; trả tiền lãi khoản vay ngày 16/02/2017 âm lịch (04 tháng) được 2.000.000 đồng. Khi trả số tiền lãi các lần nêu trên chị D tự tay ghi đã thanh toán hết ngày làm căn cứ trả lãi chứ không ghi số tiền cụ thể.

Tháng 4/2017, do cần tiền, vợ chồng chị đã nhiều lần yêu cầu chị D trả nợ, thông báo cuối cùng ngày 27/4/2017 nhưng chị D vẫn không trả nợ nên vợ chồng chị khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ giải quyết, buộc chị D phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 325.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị D trình bày: Do cần tiền làm ăn kinh tế, trong thời gian từ ngày 14/10/2016 âm lịch đến ngày 25/02/2017 âm lịch chị có tám lần vay tiền của vợ chồng anh X, chị M với tổng số tiền 325.000.000 đồng là đúng. Mỗi lần vay tiền chị đều ghi giấy biên nhận giao cho vợ chồng anh X, chị M giữ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2000đ/1.000.000đ/một ngày và thời hạn vay là 03 năm. Tuy nhiên trong giấy biên nhận không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất như đã thỏa thuận. Thời gian qua chị đã trả được một phần tiền lãi theo thỏa thuận cho vợ chồng anh X chị M; mỗi lần trả tiền lãi chị đều ghi vào giấy biên nhận của khoản vay đó. Đến nay chị không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ và số tiền lãi đã trả. Nay do việc làm ăn của chị gặp nhiều khó khăn nên chị đề nghị vợ chồng anh X chị M tạo điều kiện cho chị trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng trả từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; nếu anh X chị M không đồng ý thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh X, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý cho chị D trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, không tính lãi. Nếu chị D không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị D xác định còn nợ vợ chồng anh X chị M số tiền gốc 325.000.000 đồng và chị đã trả được cho anh X, chị M 23.500.000 đồng tiền lãi. Nay anh X, chị M không yêu cầu Tòa án xem xét đến tiền lãi đã trả và chưa trả, chị nhất trí. Nay chị chỉ có khả năng trả nợ gốc cho anh X, chị M mỗi tháng

2.000.000 đồng. Nếu anh X, chị M không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26 khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, khoản 2 Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 325.000.000 đồng, không tính lãi. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật tranh chấp: Vợ chồng anh X, chị M xác định cho chị D 08 lần vay tiền với tổng số tiền là 325.000.000 đồng. Chị D thừa nhận có vay 325.000.000 đồng của vợ chồng anh X chị M. Trong giấy biên nhận vay tiền không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ, nhưng anh X, chị M và chị D đều thừa nhận có thỏa thuẫn lãi suất và chị D đã trả được một phần tiền lãi nên có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp nêu trên là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về số tiền cho vay:* Anh X, chị M xác định trong thời gian từ 14/10/2016 âm lịch (tức ngày 13/11/2016) đến ngày 25/02/2017 âm lịch (tức ngày 23/3/2017) vợ chồng anh X, chị M đã cho chị D vay tổng số tiền là 325.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị D thừa nhận có 08 lần vay tiền của vợ chồng anh X chị M với tổng số tiền là 325.000.000 đồng. Vợ chồng anh X chị M cung cấp cho Tòa án 08 giấy biên nhận vay tiền (Bút lục số 02 đến 09); chị D thừa nhận số tiền vay và giấy biên nhận là do chính tay chị D viết, ký tên. Như vậy có đủ căn cứ xác định chị Nguyễn Thị D có vay của vợ chồng anh Doãn Trung X và chị Phạm Thị M số tiền gốc là 325.000.000đ (*Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

- *Về thời hạn cho vay:* Anh X, chị M xác định hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào cần, vợ chồng chị đòi tiền thì chị D phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền đã vay nên không ghi thời hạn trả nợ trong giấy biên nhận. Chị D xác định hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 03 năm nên trong giấy biên nhận không ghi.

Nội dung này hai bên có quan điểm trái ngược nhau nhưng không bên nào đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh X chị M với chị D là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Trước khi khởi kiện vợ chồng anh X, chị M đã thông báo bằng văn bản cho chị D thời hạn trả nợ (bút lục 16-17) nhưng chị D không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy vợ chồng anh X, chị M khởi kiện là hợp lệ, có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

- *Về lãi suất:* Anh X, chị M cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng và chị D đã trả được 4.650.000 đồng. Chị D cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày và chị đã trả được 23.500.000 đồng. Tuy nhiên cả hai bên đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh về mức lãi suất và số tiền lãi đã giao, nhận. Mặc dù có sự mâu thuẫn về mức lãi suất và số tiền lãi đã thanh toán cho nhau, nhưng tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền lãi đã thanh toán và chưa thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, anh X, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu không tính lãi suất từ khi chị D vi phạm hợp đồng đối với số tiền chị D đã vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định anh Doãn Trung X và chị Phạm Thị M có cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền là 325.000.000 đồng không kỳ hạn có lãi suất. Anh X chị M đã thông báo cho chị D thời hạn trả nợ nhưng chị D không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của anh X chị M buộc chị D phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 325.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Anh X và chị M tự nguyện không yêu cầu chị D trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của anh X, chị M được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh X chị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh X chị M số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463; khoản 2 Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Doãn Trung X và chị Phạm Thị M về việc đòi chị Nguyễn Thị D phải trả số tiền nợ gốc là 325.000.000đ (*Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), không tính lãi suất.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải trả cho anh Doãn Trung X và chị Phạm Thị M số tiền nợ gốc là 325.000.000đ (*Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*). Chị D không phải trả tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị D phải chịu 16.250.000đ (*Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Doãn Trung X và chị Phạm Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh X, chị M số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.125.000đ (*Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005442 ngày 17/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; thời hạn kháng cáo của anh X chị M, chị D kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 29/9/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Đình Cao;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Vũ Thị Nga